

kh 177
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ



ktc T. Ang


SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 33463
	Giờ: Ngày 17 tháng 11 năm 2010

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÍ III NĂM 2010

THÁNG 11/2010



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 354 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

Mẫu số B 01-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.153.551.993.370	1.558.831.809.006
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		835.079.168.583	1.017.523.153.456
1 Tiền	111	V.01	234.059.021.426	131.969.911.658
2 Các khoản tương đương tiền	112		601.020.147.157	885.553.241.798
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	641.198.022.499	63.704.125.219
1 Đầu tư ngắn hạn	121		645.643.295.999	66.869.816.219
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		(4.445.273.500)	(3.165.691.000)
III Các khoản phải thu	130		526.845.994.641	358.534.464.218
1 Phải thu của khách hàng	131	V.03	378.810.036.530	295.358.659.805
2 Trả trước cho người bán	132	V.03	83.472.571.526	37.889.043.873
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		19.327.259	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	75.670.767.607	34.001.927.868
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(11.126.708.281)	(8.715.167.326)
IV Hàng tồn kho	140		103.312.464.855	85.482.356.722
1 Hàng tồn kho	141	V.04	103.312.464.855	85.482.356.722
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		47.116.342.791	33.587.709.291
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.924.428.181	18.206.787.966
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.421.997.931	10.821.100.464
3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05	4.896.332.030	896.000
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.03	9.873.584.649	4.558.924.961
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		5.659.839.575.035	4.828.781.689.351
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.114.310.897	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3 Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4 Phải thu dài hạn khác	218	V.07	1.114.310.897	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
II Tài sản cố định	220		5.455.397.489.143	4.620.979.212.083
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.537.913.759.787	3.705.536.058.963
- Nguyên giá	222		6.010.633.522.174	4.837.488.802.473
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.472.719.762.387)	(1.131.952.743.510)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.10	621.701.113	571.849.402
- Nguyên giá	228		1.162.126.520	916.446.520
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(540.425.407)	(344.597.118)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	916.862.028.243	914.871.303.718
III Bất động sản đầu tư	240	V.12	10.011.460.000	8.511.460.000
1 Nguyên giá	241		10.011.460.000	8.511.460.000
2 Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		51.043.058.000	48.516.939.351
1 Đầu tư vào Công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		-	24.679.264.151
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	51.043.058.000	23.837.675.200
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		142.273.256.995	150.774.077.917
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	138.339.067.953	147.771.488.875
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	795.317.042	795.317.042
3 Tài sản dài hạn khác	268		3.138.872.000	2.207.272.000
C. LỢI THẾ THUƠng MẠI	269		3.175.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200+269)	270		7.816.566.568.405	6.387.613.498.357
NGUỒN VỐN	Mã số	T minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.848.122.298.006	4.253.170.255.127
I Nợ ngắn hạn	310		1.389.385.142.675	1.556.849.052.022
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	675.529.936.288	583.441.725.031
2 Phải trả người bán	312		294.112.897.485	514.872.940.868
3 Người mua trả tiền trước	313		32.001.509.632	6.271.775.002
4 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	15.352.478.900	21.463.994.191
5 Phải trả người lao động	315		46.692.023.337	16.129.946.747
6 Chi phí phải trả	316	V.17	198.541.545.651	112.294.294.915
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	119.655.700.405	299.927.778.284
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.499.050.976	2.446.596.984

TÀI SẢN	Mã số	T minh	Số cuối Qui	Số đầu năm
II Nợ dài hạn	330		3.458.737.155.331	2.696.321.203.105
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		3.438.262.864	2.916.134.839
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.20	3.455.020.501.964	2.693.114.156.591
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		278.390.503	290.911.675
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Quỹ Phát triển khoa học & Công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		2.311.229.095.760	1.436.906.122.742
I Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2.311.229.095.760	1.436.906.122.742
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.326.000.000.000	1.476.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		271.338.821	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(122.533.766.644)	(112.826.981.715)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		42.148.145.307	21.356.553.290
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		16.364.590.580	4.749.579.524
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.406.590.870	1.199.727.349
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		46.572.196.826	46.427.244.294
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2 Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		657.215.174.639	697.537.120.488
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400+439)	440		7.816.566.568.405	6.387.613.498.357

Lập, Ngày 5 tháng 11 Năm 2010

NGƯỜI LẬP

Đoàn Đình Hiếu

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Anh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Tạ Đức Tiến



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: http://www.pvtrans.com

Mẫu số B 02-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÍ 3 NĂM 2010

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	830.680.552.766	497.049.694.876	2.494.461.633.381	1.120.298.448.432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		52.962.500	33.273.068	54.394.663	35.384.497
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		830.627.590.266	497.016.421.808	2.494.407.238.718	1.120.263.063.935
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	771.443.003.651	460.165.952.951	2.218.771.280.715	1.087.060.798.454
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		59.184.586.615	36.850.468.857	275.635.958.003	33.202.265.481
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	38.171.936.926	22.746.827.789	100.129.830.699	106.382.288.181
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	113.889.322.519	13.136.717.226	269.280.371.415	74.812.400.495
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		39.170.087.900	11.932.204.608	101.680.069.148	64.416.529.122
8. Chi phí bán hàng	24		1.104.818.967	1.011.996.436	3.559.892.192	2.954.823.549
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.792.957.628	19.971.781.237	70.725.196.401	58.725.790.094
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	30		(41.430.575.573)	25.476.801.747	32.200.328.694	3.091.539.524
11. Thu nhập khác	31		9.083.830.177	604.129.935	21.645.226.540	2.024.436.137
12. Chi phí khác	32		8.149.344.704	9.892.352	18.168.078.585	131.639.854
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		934.485.473	594.237.583	3.477.147.955	1.892.796.283
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(40.496.090.100)	26.071.039.330	35.677.476.649	4.984.335.807
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	4.322.190.632	11.732.720.276	39.128.005.254	17.845.752.704
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(44.818.280.732)	14.338.319.054	(3.450.528.605)	(12.861.416.897)
Trong đó: Cổ đông thiểu số	61		(28.235.521.942)	(11.076.688.656)	(49.641.127.102)	(12.946.634.583)
Cổ đông Công ty mẹ	62		(16.582.758.790)	25.415.007.710	46.190.598.498	85.217.686
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(72)	172	201	1

Lập, Ngày 5 tháng 11 Năm 2010

NGƯỜI LẬP

Đoàn Đình Hiếu

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Anh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Cà Đức Tiến

KQKD 1



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (S4.S) 3 911 1301 Fax: (S4.S) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

Mẫu số B 03-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/09/2010

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.677.476.649	4.984.335.807
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		289.177.587.775	242.851.346.686
- Các khoản dự phòng	03		2.411.540.955	-
- Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		148.127.084.226	200.204
- Lãi/ lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(86.984.581.258)	(55.605.363.431)
- Chi phí lãi vay	06		101.680.069.148	64.416.629.124
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		490.089.177.495	256.647.148.388
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(280.584.592.037)	(67.555.909.389)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.830.108.133)	(38.419.191.665)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		1.030.466.696.525	1.000.269.489.161
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		10.714.780.707	89.038.088.696
- Tiền lãi vay đã trả	13		(42.158.326.375)	(66.062.398.020)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(36.890.546.958)	(28.518.140.902)
- Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15		238.574.267.412	32.259.270.883
- Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		(282.057.931.116)	(202.515.212.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.110.323.417.520	975.143.144.228
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	6,7,8,9	(1.175.381.124.226)	(1.514.117.527.681)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	18.158.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.112.418.822.224)	(367.435.307.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		542.290.242.443	331.052.022.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(152.643.143.962)	(34.130.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		86.984.581.258	36.559.705.055
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.804.668.266.711)	(1.548.052.949.626)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21	361.830.340.000	5.733.300.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	21	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		355.944.136.000	364.674.453.071
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(189.892.066.682)	(1.092.690.190.433)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(15.981.545.000)	(13.056.560.199)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		511.900.864.318	(735.338.997.561)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(182.443.984.873)	(1.308.248.802.959)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.017.523.153.456	1.997.075.649.39*
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(39.906.174)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	29	835.079.168.583	688.786.940.258

Lập, Ngày 5 tháng 11 Năm 2010

NGƯỜI LẬP



Đoàn Đình Kiều

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Anh



Tạ Đức Tiến





**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.S) 3 911 1301 Fax: (84.S) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

Mẫu số B 09-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ III NĂM 2010

I Đặc điểm hoạt động của Doanh Nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : Vốn thuộc sở hữu Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ - Thương mại
3. Ngành nghề kinh doanh :

Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí; tham gia đào tạo và cung ứng thuyền viên cho các tàu vận tải dầu khí, cho thuê tàu biển và phương tiện vận tải khác cho các đối tác trong và ngoài nước. Kinh doanh dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ sửa chữa tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác...

4. Các đơn vị thành viên:

CÔNG TY TNHH 1 TV VẬN TẢI DẦU KHÍ HÀ NỘI

- Vốn điều lệ : 10.000.000.000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 100%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 100%
- Nơi đăng ký hoạt động : Tổ 28, Nguyễn Thị Định, Phường Trung hoà, Quận Cầu giấy, Hà nội
- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản. Lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học, và mua bán thiết bị tin học.

CÔNG TY TNHH 1 TV VẬN TẢI DẦU KHÍ VŨNG TÀU

- Vốn điều lệ : 200.000.000.000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 100%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 100%
- Nơi đăng ký hoạt động : Tầng 4, Tòa nhà 208 Thống nhất, P.8, TP.Vũng tàu
- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác. Tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

- Vốn điều lệ : 1.200.000.000.000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 51,00%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 64,92%
- Nơi đăng ký hoạt động : Tầng 4, Tòa nhà H3, 384 Hoàng Diệu - Q.4 - Tp.HCM
- Ngành nghề kinh doanh:



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Kinh doanh vận tải dầu thô. Đào tạo nghề. Dịch vụ giới thiệu việc làm. Cho thuê phương tiện vận tải. Dịch vụ môi giới tàu biển, Đại lý hàng hải. Cung ứng, sửa chữa tàu biển...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU PHƯƠNG NAM

- Vốn điều lệ : 288.000.000.000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 51,00%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 55,00%
- Nơi đăng ký hoạt động : 12/21 Phan Kế Bính, Phường Đakao, Quận 1, Hồ Chí Minh Tp
- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Cho thuê phương tiện vận tải. Dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển, Dịch vụ đại lý hàng hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

- Vốn điều lệ : 300.000.000.000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 68,48%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 68,48%
- Nơi đăng ký hoạt động : 12AB Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh:

- Mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

- Vốn điều lệ : 140.000.000.000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 54,27%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 54,27%
- Nơi đăng ký hoạt động : P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, P. Đakao, Q. 1, Tp. HCM
- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Đại lý hàng hải; Dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại Trụ sở); Cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

- Vốn điều lệ : 100.000.000.000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 38,67%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 73,00%
- Nơi đăng ký hoạt động : A55, ngõ 61, Trần Duy Hưng, P.Trung Hoà, Q.Cầu Giấy, TP.Hà nội
- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải, cho thuê xe hạng sang, mua bán hàng hóa, khí hóa lỏng, đại lý kinh doanh xăng dầu.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ - VẬN TẢI DẦU KHÍ CỬU LONG

- Vốn điều lệ : 300.000.000.000
- Tỷ lệ phần sở hữu : 22,63%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 60,00%
- Nơi đăng ký hoạt động : 18 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Kinh doanh dịch vụ taxi, dịch vụ vận tải, cho thuê xe hạng sang, mua bán hàng hóa, khí hóa lỏng, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ du lịch.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2010 và kết thúc ngày 31/12/2010
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty tuân thủ thực hiện báo cáo tài chính theo qui định tại QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và hệ thống các chuẩn mực kế toán - kiểm toán do Bộ tài Chính đã ban hành.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty bảo đảm đã tuân thủ nghiêm túc và kịp thời các Chuẩn mực kế toán căn cứ vào các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài Chính ban hành, đúng và đủ các qui định theo chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng : Kế toán trên máy tính

IV Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền :
 - Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Tiền để lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam, các nghiệp vụ phát sinh có thu bằng ngoại tệ khác được quy đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất khi giá ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.
3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:
 - Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá và giá trị còn lại được phân theo nhóm: Nhà cửa - vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải và chuyên dùng; thiết bị dụng cụ quản lý. TSCĐ vô hình là chương trình phần mềm quản lý



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao đường thẳng, tỷ lệ khấu hao hàng năm được áp dụng phù hợp với Quyết Định 203/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/10/2009.

- Doanh nghiệp không được tiếp tục tính khấu hao đối với những TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

+ Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất để bán do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

+ Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

- Khấu hao bất động sản đầu tư:

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con:

+ Quyền kiểm soát của công ty mẹ đối với công ty con được xác định khi công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con

+ Công ty mẹ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất phải hợp nhất các báo cáo tài chính của tất cả các công ty con ở trong và ngoài nước

+ Công ty mẹ không được loại trừ ra khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty con có hoạt động kinh doanh khác biệt với hoạt động của tất cả các Công ty con khác trong Tập đoàn

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư

- Các khoản đầu tư vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn:

+ Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

+ Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:

+ Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể.

+ Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước dài hạn có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ một đến ba năm kể từ ngày phát sinh.
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại:

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí trả trước, dự phòng:

- Chi phí trả trước được ghi nhận khi các nghiệp vụ phát sinh đã hoàn thành, có chứng từ hợp lệ, tuân thủ nguyên tắc chi phí phù hợp doanh số sẽ thu.
 - Các khoản dự phòng chỉ thực hiện khi có phát sinh phù hợp qui định của Bộ Tài Chính cho phép.
- Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán, gồm: vốn của các nhà đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại, các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Căn cứ điều lệ hoạt động, cổ phiếu đang lưu hành được mua lại là cổ phiếu ngân quỹ được hạch toán giảm nguồn vốn cổ phần.
- Ghi nhận cổ tức: Cổ tức được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ đăng ký trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.
- Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ Công ty được ghi nhận trên cơ sở trích theo tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế được thông qua tại kỳ họp đại hội cổ đông thường niên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi các giao dịch về cung cấp dịch vụ phát sinh theo yêu cầu được xác định đã hoàn thành, giá trị hợp lý, chắc chắn sẽ thu hoặc đã thu.
- Doanh thu hoạt động tài chính: là các khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, lợi nhuận được chia từ việc góp vốn liên doanh.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (S4.S) 3 911 1301 Fax: (S4.S) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tại thời điểm ghi nhận trong sổ sách kế toán theo tỷ giá liên ngân hàng.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

- Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

- Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả HĐKD

01- Tiền và các khoản tương đương tiền			Quý báo cáo	Đầu năm
- Tiền mặt			2.164.013.251	4.507.481.613
- Tiền gửi ngân hàng			231.895.008.175	127.462.430.045
- Tiền đang chuyển			-	-
- Các khoản tương đương tiền			601.020.147.157	885.553.241.798
Cộng			835.079.168.583	1.017.523.153.456
02- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			Quý báo cáo	Đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn			7.081.396.000	6.853.396.000
- Đầu tư ngắn hạn khác (TGNH có kỳ hạn > 3 tháng ~ 1 năm)			638.561.899.999	60.016.420.219
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			(4.445.273.500)	(3.165.691.000)
Cộng			641.198.022.499	63.704.125.219
			Số lượng Giá trị	
			Quý báo cáo	Đầu năm
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
DPM : TCT Phân đạm và Hóa chất dầu khí			17.000	17.000
HAP : Cty Hapaco - HAP			18.975	18.975
PVD : TCT Khoan và DV Khoan dầu			3.200	2.400
SSI : Cty CP Chứng khoán Sài Gòn			44.000	22.000
STB : NH TMCP Sài Gòn Thương Tín			29.900	29.900
			113.075	90.275
			1.236.720.000	1.236.720.000
			1.071.810.000	1.071.810.000
			314.604.000	306.604.000
			3.141.832.000	2.921.832.000
			1.316.430.000	1.316.430.000
			7.081.396.000	6.853.396.000
03- Các khoản phải thu ngắn hạn khác			Quý báo cáo	Đầu năm
- Phải thu của khách hàng.			378.810.036.530	295.358.659.805
- Trả trước cho người bán.			83.472.571.526	37.889.043.873
- Phải thu nội bộ			19.327.259	-
- Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng.			-	-
- Tạm ứng			8.730.251.860	3.552.848.961
- Thẻ chấp, kỳ cược, kỳ quỹ ngắn hạn			1.143.332.789	1.006.076.000
- Phải thu khác			75.670.767.607	34.001.927.866
Cộng			547.846.287.571	371.808.556.505
04- Hàng tồn kho			Quý báo cáo	Đầu năm
- Hàng mua đang đi đường			-	-
- Nguyên liệu, vật liệu , PT thay thế			95.332.201.990	78.394.895.941
- Công cụ, dụng cụ			1.632.650.983	1.154.549.099



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Chi phí SXKD dở dang	2.956.688.813	2.618.461.239
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hóa	3.390.923.069	3.314.450.443
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-

Cộng giá gốc hàng tồn kho 103.312.464.855 85.482.356.722

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho (Giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá hàng tồn kho) đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả :

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm :

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho :

05- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa
- Thuế GTGT phải thu nhà nước
- Các khoản phải thu Nhà nước:

Cộng

Quý báo cáo	Đầu năm
4.800.878.390	896.000
15.421.997.931	10.821.100.464
95.453.640	-
20.318.329.961	10.821.996.464

06- Phải thu dài hạn nội bộ

- Cho vay dài hạn nội bộ
- Phải thu dài hạn nội bộ khác
-

Cộng

Quý báo cáo	Đầu năm
-------------	---------

-	-
-	-
-	-
-	-

07- Phải thu dài hạn khác

- Ký quỹ, ký cược dài hạn
- Các khoản tiền nhận uỷ thác
- Cho vay không có lãi
- Phải thu dài hạn khác

Cộng

Quý báo cáo	Đầu năm
3.138.872.000	2.207.272.000
-	-
-	-
1.114.310.897	-
4.253.182.897	2.207.272.000

08- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	1.118.973.799	6.644.990.732	5.700.912.893.689	6.460.023.983	108.547.340	5.715.245.429.543
- Mua trong kỳ	-	583.071.708	253.110.000.000	282.624.760	-	253.975.696.468
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	42.158.875.893	74.775.251	190.960.019	42.424.611.163
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(1.012.215.000)	-	-	-	(1.012.215.000)
Số dư cuối kỳ	1.118.973.799	6.215.847.440	5.996.181.769.582	6.817.423.994	299.507.359	6.010.633.522.174
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	199.280.288	1.492.655.251	1.368.098.367.792	3.893.907.412	8.273.238	1.373.692.483.981
- Khấu hao trong kỳ	56.530.484	133.900.856	101.322.888.212	353.742.249	34.170.689	101.901.232.490
- Tăng khác	-	-	-	2.718.056	-	2.718.056
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(274.141.569)	(2.602.530.571)	-	-	(2.876.672.140)
Số dư cuối kỳ	255.810.772	1.352.414.538	1.466.818.725.433	4.250.367.717	42.443.927	1.472.719.762.387
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	919.693.511	5.152.335.481	4.332.814.525.897	2.566.116.571	100.274.102	4.341.552.945.562
- Tại ngày cuối kỳ	863.163.027	4.863.432.902	4.529.363.044.149	2.567.056.277	257.063.432	4.537.913.759.787

812.091.853.469

5.871.519.269

* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

* Giá trị còn lại TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai

09- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ							
- Thuê tài chính trong kỳ							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ							
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ							
- Khấu hao trong kỳ							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ							
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC	-	-	-	-	-	-	-
- Tại ngày đầu kỳ							
- Tại ngày cuối kỳ							

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm;
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản.

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ				1.162.126.520		1.162.126.520
- Mua trong kỳ				-		-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp				-		-
- Tăng khác				-		-
- Thanh lý, nhượng bán				-		-
- Giảm khác				-		-
Số dư cuối kỳ				1.162.126.520		1.162.126.520
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ				483.895.583		483.895.583
- Khấu hao trong kỳ				56.529.824		56.529.824
- Tăng khác				-		-
- Thanh lý, nhượng bán				-		-
- Giảm khác				-		-
Số dư cuối kỳ				540.425.407		540.425.407
Giá trị còn lại của TSCĐVH						
- Tại ngày đầu kỳ				678.230.937		678.230.937
- Tại ngày cuối kỳ				621.701.113		621.701.113

* Các thay đổi khác về TSCĐ vô hình:



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Trong đó (Những công trình lớn):

+ Dự án đóng tàu dầu Aframax

+ Dự án cung cấp tàu chứa FSO Đại Hùng

+ Dự án đầu tư cảng Dung Quất

+ Mua sắm TSCĐ

+ Dự án đầu tư trạm cấp nạp nhiên liệu

+ Công trình khác

Quý báo cáo

Đầu năm

916.862.028.243

914.871.303.718

897.261.435.233

852.603.839.937

2.513.405.201

2.513.405.201

12.956.705.136

58.439.364.999

4.109.482.673

311.090.577

21.000.000

326.321.150

12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm/kỳ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm/kỳ
Nguyên giá bất động sản đầu tư	8.511.460.000	1.500.000.000	-	10.011.460.000
- Quyền sử dụng đất	8.511.460.000	1.500.000.000	-	10.011.460.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại BĐS đầu tư	8.511.460.000	1.500.000.000	-	10.011.460.000
- Quyền sử dụng đất	8.511.460.000	1.500.000.000	-	10.011.460.000
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

* *Thuyết minh số liệu và giải trình khác:*

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị của 3 lô đất đầu tư của Tổng công ty tại khu dân cư Phước Long A Bắc rạch Chiếc, Quận 9, Tp.HCM

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị lô đất đầu tư của Tổng công ty tại Tỉnh Hậu Giang



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (S4.S) 3 911 1301 Fax: (S4.S) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

13- Đầu tư dài hạn khác:	Quý báo cáo	Đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	-	-
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
- Cho vay dài hạn	-	-
- Đầu tư dài hạn khác:	51.043.058.000	23.837.675.200
Cộng	51.043.058.000	23.837.675.200
<u>Trong đó</u> Đầu tư vào PVKEEZ	39.519.693.300	-
Đầu tư vào Khu công nghiệp Idico Long sơn	10.011.000.000	10.011.000.000
Đầu tư máy cắt lớp Bệnh viện Hữu nghị	1.512.364.700	1.826.675.200
Đầu tư dài hạn tiền gửi ngân hàng	-	12.000.000.000
	-	-
14- Chi phí trả trước dài hạn	Quý báo cáo	Đầu năm
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình		
- Chi phí trả trước chờ phân bổ	138.339.067.953	147.771.488.875
Cộng	138.339.067.953	147.771.488.875
<u>Trong đó</u> Chi phí phân bổ từ 1 - 2 năm	11.198.777.662	-
Chi phí phân bổ từ 2 - 5 năm	127.140.290.291	-
Chi phí phân bổ > 5 năm	-	-
15- Vay và nợ ngắn hạn	Quý báo cáo	Đầu năm
- Vay ngắn hạn	339.665.376.000	350.484.479.397
- Nợ dài hạn đến hạn trả	335.864.560.288	232.957.245.634
Cộng	675.529.936.288	583.441.725.031
<u>Trong đó</u> Nợ vay Tổng Công ty tài chính CP dầu khí	339.665.376.000	350.484.479.397
Nợ dài hạn đến hạn Ngân hàng Citibank	93.380.689.032	-
Nợ dài hạn đến hạn TCT tài chính CP dầu khí	21.799.536.817	28.553.190.009
Nợ dài hạn đến hạn trả NH ngoại thương	96.659.692.500	91.600.018.125
Nợ dài hạn đến hạn trả NH NN&PTNT	46.146.750.000	43.731.187.500
Nợ dài hạn đến hạn trả NH Natixi	72.888.200.000	69.072.850.000
Nợ dài hạn đến hạn trả NH Viet tin	4.726.319.584	-
Nợ dài hạn đến hạn trả NH Đại Dương	57.066.800	-
Nợ dài hạn đến hạn trả NH GP Bank	206.305.555	-
	-	-
16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Quý báo cáo	Đầu năm



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Thuế giá trị gia tăng	1.887.891.378	8.407.771.917
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.535.982	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	67.754.460	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.238.489.226	10.794.325.584
- Thuế thu nhập cá nhân	594.631.180	1.517.267.640
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuê đất	-	-
- Thuế nhà thầu	62.176.674	421.225.862
- Các khoản phải nộp khác	500.000.000	323.403.188
Cộng	15.352.478.900	21.463.994.191
17- Chi phí phải trả	Quý báo cáo	Đầu năm
- Chi phí phải trả khác	62.222.935.731	112.294.294.915
- Chi phí lãi vay phải trả	79.102.696.260	-
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	278.390.503	290.911.675
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	57.215.913.660	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
Cộng	198.819.936.154	112.585.206.590
18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Quý báo cáo	Đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	1.854.580.450	1.129.478.382
- Bảo hiểm xã hội	1.190.707.935	224.282.513
- Bảo hiểm y tế	216.880.713	72.197.451
- Bảo hiểm thất nghiệp	78.338.772	23.382.922
- Phải trả khác về Cổ phần hoá	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	116.315.192.535	298.478.437.016
Cộng	119.655.700.405	299.927.778.284
19- Phải trả dài hạn nội bộ	Quý báo cáo	Đầu năm
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng	-	-
20- Vay và nợ dài hạn	Quý báo cáo	Đầu năm
a) Vay dài hạn	3.455.020.501.964	2.693.114.156.591
- Vay ngân hàng	3.455.020.501.964	2.693.114.156.591
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
b) Nợ dài hạn	-	-



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Thuê tài chính
- Nợ dài hạn khác

	Cộng	3.455.020.501.964	2.693.114.156.591
<i>Trong đó Ngân hàng Citibank</i>		1.473.805.423.240	1.448.922.954.809
<i>Ngân hàng ngoại thương</i>		502.555.856.250	522.049.460.625
<i>Ngân hàng NN&PTNT</i>		92.293.500.000	109.327.968.750
<i>Ngân hàng Natixi</i>		510.217.400.000	518.046.375.000
<i>Ngân hàng GP Bank</i>		1.676.893.169	1.676.893.169
<i>Ngân hàng Ocean Bank</i>		399.467.600	399.467.600
<i>Ngân hàng Việt tin</i>		80.250.280.416	-
<i>Ngân hàng Habubank</i>		172.281.200.000	-
<i>Ngân hàng Indovina</i>		151.456.000.000	-
<i>Công ty tài chính dầu khí</i>		470.084.481.289	92.691.036.638

- Các khoản nợ thuế tài chính

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản T.toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản T.toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 - 5 năm						
Trên 5 năm						

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước

Cộng

Quý báo cáo

795.317.042

Đầu năm

795.317.042

795.317.042

795.317.042

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

- Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Quý báo cáo

Đầu năm

22- Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	720.000.000.000	-	-	(41.228.063.000)	1.113.048.267	1.051.390.410	2.268.817	67.129.523.462	748.068.167.956
- Tăng vốn trong kỳ	756.000.000.000	-	-	-	20.243.505.023	3.698.189.114	1.427.458.532	-	781.369.152.669
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	8.727.021.452	8.727.021.452
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	71.598.918.715	-	-	230.000.000	-	71.828.918.715
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	29.429.300.620	29.429.300.620
Số dư cuối năm trước	1.476.000.000.000	-	-	(112.826.981.715)	21.356.553.290	4.749.579.524	1.199.727.349	46.427.244.294	1.436.906.122.742
Số dư đầu kỳ này	2.326.000.000.000	271.338.821	-	(145.796.238.774)	41.705.707.209	16.143.371.531	2.406.590.870	65.038.937.084	2.305.769.706.741
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	23.262.472.130	-	-	-	-	23.262.472.130
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	442.438.098	221.219.049	-	-	663.657.147
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	16.582.758.790	16.582.758.790
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	1.883.981.468	1.883.981.468
Số dư cuối kỳ này	2.326.000.000.000	271.338.821	-	(122.533.766.644)	42.148.145.307	16.364.590.580	2.406.590.870	46.572.196.826	2.311.229.095.760



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

	Quý báo cáo	Đầu năm
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt nam	1.358.499.460.000	867.730.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	967.500.540.000	608.270.000.000
Cộng	2.326.000.000.000	1.476.000.000.000

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm

* Số lượng cổ phiếu quỹ

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý báo cáo	Quý năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu Năm/Quý	1.476.000.000.000	1.476.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong Quý/năm	850.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong Quý/Năm	-	-
+ Vốn góp cuối Năm/Quý	2.326.000.000.000	1.476.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán :
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi :
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận :

đ) Cổ phiếu

	Quý báo cáo	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	232.600.000	147.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	232.600.000	147.600.000
+ Cổ phiếu thường	232.600.000	147.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	232.600.000	147.600.000
+ Cổ phiếu thường	232.600.000	147.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng		

e) Các quỹ của Doanh nghiệp

	60.919.326.757	27.305.860.163
- Quỹ đầu tư phát triển	42.148.145.307	21.356.553.290
- Quỹ Dự phòng tài chính	16.364.590.580	4.749.579.524
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.406.590.870	1.199.727.349
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của Doanh nghiệp

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

23- Nguồn kinh phí	Quý báo cáo	Quý năm trước
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	-	-

24- Tài sản thuê ngoài	Quý báo cáo	Quý năm trước
(1)- Giá trị tài sản thuê ngoài		
- TSCĐ thuê ngoài	-	-
- TS khác thuê ngoài	-	-
(2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	-	-
- Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
- Trên 5 năm	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý báo cáo	Quý năm trước
25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 01)	830.680.552.766	497.049.694.876
Trong đó		
- Doanh thu bán hàng	149.390.986.427	158.397.924.052
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	681.289.566.339	338.651.770.824
- Doanh thu hợp đồng xây dựng (đ/với DN có hoạt động xây lắp)	-	-
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
Doanh thu theo loại hình		
- Mua bán, thương mại	149.390.986.427	-
- Dịch vụ vận tải	610.462.303.433	-
- Dịch vụ cho thuê kho nổi (OFS)	47.218.002.906	-
- Dịch vụ khác	23.609.260.000	-
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	52.962.500	33.273.068
Trong đó		
- Chiết khấu thương mại	52.962.500	33.273.068
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-
- Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất khẩu	-	-
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (MS 10)	830.627.590.266	497.016.421.808
Trong đó		



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	149.338.023.927	158.397.924.052
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	681.289.566.339	338.618.497.756
28- Giá vốn hàng bán (MS 11)	Quý báo cáo	Quý năm trước
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	144.857.312.372	152.091.647.125
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	626.585.691.279	308.074.305.626
- Giá vốn còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán		
- Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư		
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	771.443.003.651	460.165.952.951
Giá vốn theo loại hình		
- Mua bán, thương mại	144.857.312.372	-
- Dịch vụ vận tải	562.266.773.269	-
- Dịch vụ cho thuê kho nổi (FSO)	44.484.112.787	-
- Dịch vụ khác	19.834.805.223	-
29- Doanh thu hoạt động tài chính (MS 21)	Quý báo cáo	Quý năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.638.804.509	15.714.478.827
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.000.000	5.472.670.000
- Lãi bán ngoại tệ		
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.516.132.417	1.559.678.962
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	38.171.936.926	22.746.827.789
30- Chi phí tài chính (MS 22)	Quý báo cáo	Quý năm trước
- Lãi tiền vay ngân hàng	39.170.087.900	11.932.204.608
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.660.596.696	1.204.512.618
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	63.473.450.423	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Chi phí tài chính khác	585.187.500	-
Cộng	113.889.322.519	13.136.717.226



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (MS 51)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Quý báo cáo

Quý năm trước

4.322.190.632

11.732.720.276

4.322.190.632

11.732.720.276

32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (MS 52)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Quý báo cáo

Quý năm trước

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

Quý báo cáo

Quý năm trước

344.456.158.753

160.744.858.545

63.327.784.353

37.636.432.167

149.088.567.765

93.488.415.950

161.222.190.167

154.280.932.039

78.246.079.208

34.999.091.923

Cộng

796.340.780.246

481.149.730.524

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

34- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:

- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.

- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý
- Phần giá trị tài sản và công nợ không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ. Giá trị tài sản này phải được tổng hợp theo từng loại tài sản.



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.8) 3 911 1301 Fax: (84.8) 3 911 1300 Website: <http://www.pvtrans.com>

c) Doanh nghiệp phải trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện

VIII- Những thông tin khác:

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

1.1 Chênh lệch tỷ giá nợ ngắn hạn sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ tài chính trong các kỳ khi có giao dịch phát sinh:

4.773.363.433

1.2 Chênh lệch tỷ giá nợ dài hạn sẽ được:

(127.307.130.077)

- Phân bổ trong năm 2010

(13.076.671.591)

- Phân bổ trong năm 2011

(46.324.748.531)

- Phân bổ trong năm 2012

(23.149.301.646)

- Phân bổ trong năm 2013

(21.558.832.896)

- Phân bổ trong năm 2014

(19.392.363.664)

- Phân bổ trong năm 2015

(3.805.211.748)

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3- Thông tin về các bên liên quan:

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 'Báo cáo bộ phận' (áp dụng cho công ty niêm yết):

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

5.1 Lợi nhuận trước thuế tăng so với Quý báo cáo cùng kỳ năm trước:

	Quý báo cáo năm nay	Quý báo cáo cùng kỳ năm trước	Chênh lệch
+ Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	830.627.590.266	497.016.421.808	333.611.168.458
+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(40.496.090.100)	26.071.039.330	(66.567.129.430)

Nguyên nhân:

Lợi nhuận Quý 3/2010 giảm - 66 tỷ so với Quý 3/2009, trong đó nguyên nhân chính là do biến động chênh lệch tỷ giá trong tháng 8/2010 từ 18.544 VNĐ/USD tăng 18.932 VNĐ/USD, chênh lệch tăng 388 đ/USD. Số chênh lệch này phải hạch toán vào chi phí tài chính ở khoản mục số 30 tại thuyết minh báo cáo tài chính ghi nhận tăng 63 tỷ (Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện)

6- Thông tin về hoạt động liên tục:

7- Những thông tin khác:

Lập, Ngày 5 tháng 11 Năm 2010

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Đoàn Đình Hiếu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Kim Anh

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Tạ Đức Tiến